TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 15-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST-DS ngày 07/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và mua bán*", theo Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-DS ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp P, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 06/7/2017 âm lịch ông T1 và bà D có mở dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, dây hụi này có 26 phần hụi, chị T tham gia 01 phần, đóng tiền tới mãn hụi. Ông T1 và bà D thiếu 50.000.000 đồng tiền hụi. Ngoài ra, ông T1 và bà D có mua đồ tạp hóa của chị T về bán, còn nợ số tiền 34.000.000 đồng. Tổng cộng ông T1 và bà D nợ chị

T 84.000.000 đồng. Khi nộp đơn ra ấp giải quyết thì chỉ có bà D dự, ông T1 không dự, bà D hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng cuối cùng không thực hiện.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu ông T1 và bà D cùng liên đới trả số tiền còn nợ là 84.000.000 đồng.

- *Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày tại tòa. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/5/2023 ông T1 trình bày:* Vấn đề tiền hụi giữa chị T và bà D trước đây có thưa ra ấp thống nhất trả dần hằng tháng, sau đó bà D trả được mấy tháng thì dịch bệnh đến không có khả năng trả nữa. Khi hai bên thống nhất số tiền hụi thì chị T không đề cập gì đến ông T1 mà tự thỏa thuận với bà D nên tiền hụi ông không liên quan và không thống nhất trả - Sau khi trình bày ông T1 không ký biên bản.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T1 và bà D cùng liên đới trả cho chị T số tiền 84.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn có hợp đồng chơi hụi và mua bán với bị đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và mua bán"*.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng đương sự không thuộc đối tượng được trợ giúp.

[2] Chị T khởi kiện có cung cấp giấy xác nhận nợ mua hàng của bà D là 34.000.000 đồng và sổ hụi do ông Ba T2 đứng tên chủ hụi, có ghi số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng. Biên bản hòa giải của ấp P vào ngày 15/3/2020, bà D thừa nhận

còn nợ hụi 50.000.000 đồng, tiền mua đồ tạp hóa là 34.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng.

Ông T2 và bà D không có ý kiến phản bác về số nợ. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định được số nợ chị T yêu cầu là có cơ sở.

[3] Ông T2 không thống nhất trả nợ vì cho rằng khi yêu cầu tại ấp thì chỉ có chị T và bà D thỏa thuận. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu thì chị T yêu cầu cả ông T2 và bà D. Ông T2 và bà D sống chung thời gian dài, sinh hoạt, làm ăn chung. Giấy hụi cũng ghi tên ông T2 là chủ hụi. Ông T2 cũng là người đi gom tiền hụi. Do đó, ông T2 và bà D phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T là phù hợp quy định.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ: 84.000.000 đồng x 5% = 4.200.000 đồng.

Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí theo biên lai đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 430, 440, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 15, 18, 22, 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về *"họ, hụi, biêu, phường";* Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Bích T đối với ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Ngọc D. Buộc ông T1 và bà D cùng liên đới trả cho chị T số tiền 84.000.000 đồng (T3 mươi bốn triệu đồng). Trong đó tiền hụi 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền nợ mua hàng tạp hóa là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468

của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Ngọc D cùng liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Bích T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001003 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận